TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC LẶC** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 15/2024/HNGĐ-ST Ngày: 08 - 3 - 2024 V/v yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Trung Thành

Ông Vũ Văn Long

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Lê Mỹ Duyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2024 về yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 13/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị V; sinh năm: 1971; nơi cư trú: Thôn T, xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn*: Ông Bùi Hồng C; sinh năm: 1967; nơi cư trú: Thôn T, xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên toà vắng mặt bà V, ông C. Bà V đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông C vắng mặt không có lý do lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19/12/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị V trình bày: Bà và ông Bùi Hồng C đã tổ chức lễ cưới trên tinh thần tự nguyện theo phong tục địa phương từ năm 1989. Quá trình chung sống, bà và ông C có năm con chung. Sau ngày cưới, bà và ông C chung sống hoà thuận được 21 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã.

Hai bên gia đình đã hoà giải nhưng không có kết quả. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, không ai quan tâm tới ai. Do thời gian chung sống, ông bà bận công việc và không am hiểu pháp luật nên mặc dù chung sống với nhau như vợ chồng đã lâu nhưng vẫn chưa đến Uỷ ban nhân dân xã làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Toà án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông C.

Về con chung: Bà V và ông C có 05 con chung là cháu Bùi Thị H, sinh ngày 03/9/1989, cháu Bùi Thị H1, sinh ngày 01/9/1990, cháu Bùi Thị C1, sinh ngày 27/11/1992, cháu Bùi Thị T, sinh ngày 26/7/1993 và cháu Bùi Văn N, sinh ngày 14/8/1995. Hiện các cháu đã thành niên, có khả năng lao động. Bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản: Bà V không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Bùi Hồng C trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị V đã tổ chức lễ cưới trên tinh thần tự nguyện theo phong tục địa phương từ năm 1989. Quá trình chung sống, ông và bà V có năm con chung. Ông và bà V chung sống hoà thuận từ khi cưới đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm. Ngoài ra, bà V có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Hai bên gia đình đã hoà giải nhưng không có kết quả. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay, không ai quan tâm tới ai. Trong thời gian chung sống, ông có bảo bà V đến Uỷ ban nhân dân xã làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng bà V không đi. Ông đề nghị tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà V.

Về con chung: Ông C và bà V có 05 con chung là cháu Bùi Thị H, sinh ngày 03/9/1989, cháu Bùi Thị H1, sinh ngày 01/9/1990, cháu Bùi Thị C1, sinh ngày 27/11/1992, cháu Bùi Thị T, sinh ngày 26/7/1993 và cháu Bùi Văn N, sinh ngày 14/8/1995. Hiện các cháu đã thành niên, có khả năng lao động. Ông không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản: Ông C không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); bà V đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật, ông C không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt cả hai bên đương sự theo quy định của BLTTDS. Về giao nhận, tống đạt văn bản tố tụng Toà án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 14; 51; 53 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị V và ông Bùi Hồng C. Bà V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị V khởi kiện yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Bùi Hồng C, nơi cư trú tại Thôn T, xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá theo quy định tại khoản 8 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Bà Nguyễn Thị V đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Toà án đã triệu tập hợp lệ ông Bùi Hồng C lần thứ hai đến Tòa án để tham gia phiên toà nhưng ông C vẫn vắng mặt mà không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS Toà án xét xử vắng mặt bà V, ông C.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị V và ông Bùi Hồng C đã tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào năm 1989, chung sống với nhau như vợ chồng và có năm con chung. Bà V và ông C có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nhưng không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Trong cuộc sống, bà V và ông C xảy ra mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm. Bà V và ông C đã sống ly thân, không ai quan tâm tới ai. Bà V và ông C đều yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng. Căn cứ khoản 1 Điều 14; Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị V và ông Bùi Hồng C.

[3] Về con chung: Bà V và ông C có 05 con chung. Hiện các cháu đã thành niên, có khả năng lao động. Bà V và ông C không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về tài sản: Bà V, ông C không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí: Bà V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 14; 51; 53 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28; 35; 39; 147; 227; 228; 238; 271; 273 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị V và ông Bùi Hồng C.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền bà đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc, theo biên lai số 0004171 ngày 03/01/2024. Bà V đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm. Bà V, ông C có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- UBND xã Kiên Thọ;
- Chi cục THADS huyện;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu HSVA; Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Thịnh